TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Ích .

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn.

2. Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11- Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2025/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10A/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 18A/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là xã K thành phố Hải Phòng).

* *Bị đơn*: Anh Lê Văn H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình).

Tại phiên toà vắng mặt chị L, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị L tại các buổi làm việc thể hiện: Chị và anh Lê Văn H kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam

Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng đi làm ăn xa tại thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống với nhau được 05 năm. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh H có biểu hiện không chung thuỷ, chị khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 10/2023, chị L và con đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. trong thời gian đó anh H không quan tâm gì đến chị và con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án xem xét cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L xác định giữa chị và anh H có một con chung là Lê Hiểu M, sinh ngày 08/5/2013, hiện đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu Lê Hiểu M và không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L xác định giữa chị và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Lê Văn H vắng mặt, không có lời khai.

Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng (nay là Toà án nhân dân Khu vực 11 – Ninh Bình) đã làm việc với Ủy ban nhân dân xã N, huyện N (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) và bà Vũ Thị T là mẹ anh H, thể hiện: Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh H và chị L đăng ký kết hôn ngày 14/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, anh H, chị L đi làm ăn xa. Anh H thỉnh thoảng có về địa phương và có liên lạc với gia đình. Tuy nhiên, thời gian gần đây anh H không thấy liên lạc với gia đình. Địa phương, bà T không cung cấp được địa chỉ với anh H. Về mâu thuẫn gia đình và điều kiện nuôi con địa phương không biết rõ.

Toà án đã đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Về tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận đơn khởi kiện của chị L: xử ly hôn giữa chị L và anh H; về con chung:

Về Con chung Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hiểu M; Anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về án phí Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Toà án tuyên án phí dân sự sơ thẩm đối với chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, tỉnh Ninh Bình; chị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H, Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng nay là Toà án nhân dân Khu vực 11 – Ninh Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Toà án đã tiến hành tống đạt, đăng công khai các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, nên Toà án tiến hành mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh H có biểu hiện không chung thuỷ, chị L khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành, vợ chồng ly thân nhau sau 5 năm chung sống, trong thời gian ly thân, không ai quan tâm đến ai. Toà án đã đăng công khai thông tin chị L có đơn xin ly hôn anh H, lịc hoà giải, lịch xứ xử trên Đài tiếng nói Việt Nam, báo Công lý... nhưng anh H không hợp tác để giải quyết vụ án. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy thời gian vợ chồng ly thân nhiều hơn thời giân vợ chồng chung sống như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, chị L đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh H là có cơ sở nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có có một con chung là Lê Hiếu M, sinh ngày 08/5/2013 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu M do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị L xin nhận trực tiếp nuôi cháu M, không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu M cùng chị.

- Xét yêu cầu xin nhận trực tiếp nuôi cháu M của chị L thấy: Kể từ khi vợ chồng ly thân cháu M do một mình chị L nuôi dưỡng, bản thân cháu M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ do đó giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hiếu M là phù hợp.

- Xét yêu cầu của chị L không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị thấy: Kể từ khi vợ chồng ly thân anh H không quan tâm gì đến chị và cháu M, một mình chị L vẫn đảm bảo nuôi cháu M phát triển tự nhiên và việc không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Hiếu M, sinh ngày 08/5/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; Anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001611 ngày 27/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 11 tỉnh Ninh Bình). Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt chị L, anh H. Chị L, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh.
- VKSND Khu vực 11.
- THADS tỉnh.
- UBND xã Nghĩa Lâm.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Trọng Ích